

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-PT
Ngày: 14/5/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Lê.

Các Thẩm phán: 1./ Ông Huỳnh Nguyên

2./ Bà Đỗ Thị Kim Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến – Thư ký TAND tỉnh Kon Tum.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum: Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 526/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị H, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Y L, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y L: Chị Đinh Thị P, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. (văn bản ủy quyền ngày 14/4/2018). Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Y V

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Văn L

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Bà Đỗ Thị Kim C

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Bà Trương Thị N

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị N

Địa chỉ: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Bà Thái Thị T

Địa chỉ: 107 đường B, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Từ tháng 7/1996, do điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên bà Y L có đề nghị tôi cho mua nợ gạo, thức ăn và có mượn cả tiền, đồng thời thế chấp cho tôi sổ lương hưu của bà Y L để tôi trừ dần số tiền nợ. Quá trình này diễn ra trong nhiều năm giữa tôi và bà Y L cũng thường xuyên cùng nhau cộng sổ nợ và chốt số tiền nợ mà bà Y L còn phải trả cho tôi. Đến ngày 30/6/2009, tôi và bà Y L tiếp tục cộng nợ và chốt số tiền bà Y L nợ tôi kể từ thời điểm ngày 30/6/2009 là 76.579.650 đồng (có giấy cộng nợ gửi cho tòa án). Tuy nhiên, cũng trong ngày 30/6/2009, bà Y L nói khó khăn cần vay tiền nên đã lấy sổ lương hưu về và giữ cho đến ngày nay do đó tôi không thể trừ được nợ và số nợ trên kéo dài đến bây giờ. Tôi đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà Y L vẫn không trả cho tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Y L trả số tiền đã vay là 76.579.650 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng*), tôi yêu cầu bà Y L trả một lần.

Trong bản tự khai đề ngày 20/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Y L trình bày:

Tôi có mua nợ gạo và thức ăn của bà Đinh Thị H và thế chấp sổ lương hưu cho bà H để trừ nợ. Tôi thừa nhận đến ngày 30/6/2009, tôi có đến nhà bà H để cộng nợ và chốt số tiền mà tôi nợ là 76.579.650 đồng. Tuy nhiên, từ thời

điểm 30/6/2009 đến năm 2012 thì bà Đinh Thị H vẫn giữ sổ lương hưu của tôi và tiếp tục trừ nợ, tôi chỉ được nhận lại sổ lương hưu từ ngày 15/12/2012. Việc bà Đinh Thị H vẫn tiếp tục giữ sổ lương và lấy tiền lương của tôi để trừ nợ có bà Y Đ (Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum), bà Y H (Thôn 2, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum), bà Y V (Thôn 4, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum), bà Thái Thị T (thủ quỹ BHXH huyện K) đều biết.

Do đó, tôi đề nghị Tòa án cộng sổ tiền lương của tôi trong 04 năm (từ ngày 30/6/2009 đến ngày 15/12/2012 xem được bao nhiêu tiền rồi trừ đi số tiền tôi nợ bà H là 76.579.650 đồng để xác định chính xác tôi còn nợ bà H hay không, nếu còn nợ thì tôi sẽ trả.

Tuy nhiên, sau khi tiến hành hòa giải tại tòa án, bà Y L đã xuất trình 01 biên bản hòa giải tại thôn 2, thị trấn Đ đề ngày 13/5/2010, theo biên bản này thì tính đến tháng 4/2010 bà Y L còn nợ lại bà H số tiền 65.078.300 đồng, biên bản này được ban hòa giải thôn lập với sự tham gia của các thành phần ban hòa giải thôn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 469 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện ngày 30/3/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn bà Đinh Thị H.

Buộc bà Y L trả cho bà Đinh Thị H số tiền là 65.078.300 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm đồng*).

Tuyên bị đơn phải trả lãi phát sinh khi chậm thi hành án; bị đơn phải nộp 3.253.915 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải nộp 572.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.914.000 đồng nên được nhận lại số tiền 1.342.000 đồng.

Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2017, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm không đồng ý với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn bà Y L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn bà Đinh Thị H không rút đơn khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Tại giai đoạn sơ thẩm: Tòa sơ thẩm chưa làm rõ số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn, số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo bản án sơ thẩm đã tuyên là 65.078.300 đồng là chưa chính xác.

Nguyên đơn khởi kiện chỉ cung cấp 01 giấy chốt nợ là bản phô tô là chưa cung cấp đầy đủ chứng cứ, lẽ ra Tòa án sơ thẩm phải trả lại đơn khởi kiện, nhưng Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự trong vụ án này thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí nhưng cấp sơ thẩm không đề cập đến quy định này là không đúng pháp luật.

Tại giai đoạn sơ thẩm, qua các lời khai thể hiện bị đơn yêu cầu Tòa án tính tổng số tiền lương của bị đơn mà nguyên đơn đã nhận để trả lại cho bị đơn là một quyền yêu cầu phản tố của bị đơn được quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, trong trường hợp này Tòa án phải có trách nhiệm giải thích, hướng dẫn bị đơn làm đơn yêu cầu phản tố để Tòa án thụ lý giải quyết trong cùng một vụ án mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự và vụ án sẽ được giải quyết triệt để.

Biên bản hòa giải tại thôn ngày 13/5/2010 do người không có thẩm quyền, chức năng lập vì đây thuộc trường hợp tranh chấp kiện đòi nợ, thôn không được hòa giải mà phải hướng dẫn đương sự khởi kiện ra Tòa, hơn nữa là bản phô tô nên không được xem là chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Các đương sự khai có mâu thuẫn với nhau về số tiền nợ, số tiền đã trả nhưng chưa được cấp sơ thẩm đối chất làm rõ là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thống nhất được với nhau các khoản nợ tiền hàng, tiền mặt. Bị đơn khai không nợ tiền mặt, chỉ nợ tiền hàng nhưng đã trừ vào lương. Nguyên đơn khai không nhớ vì bị đơn vay tiền

mặt, mua nợ tiền hàng nhiều lần trong nhiều năm liền, tuy nhiên mỗi lần cho vay tiền và bán nợ hàng nguyên đơn đều ghi lại sổ sách nợ tiền hàng và viết giấy vay tiền mặt hai bên đều ký xác nhận đầy đủ. Hiện tại những chứng cứ này nguyên đơn đang lưu giữ tại nhà chưa giao nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra ở giai đoạn phúc thẩm bị đơn có đơn yêu cầu phản tố. Đây là những tình tiết không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm nên đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bị đơn bà Y L, hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý với bản án sơ thẩm với lý do việc mua hàng của bà H đã được bị đơn giao sổ lương hưu cho bà H trừ nợ từ năm 1996 đến năm 2012 mới lấy sổ, bà H nhận lương nhưng không trừ nợ cho bị đơn, về tiền mặt bị đơn cho rằng không vay của bà H. Về nội dung này cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giấy chốt nợ và biên bản hòa giải tại thôn để buộc bà Y L phải trả cho bà H số tiền 65.078.300 đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cho rằng việc bà L mua hàng và trừ vào sổ lương đã được hai bên đối chiếu và số tiền mặt bà L vay nhiều lần cộng dồn là 39.000.000 đồng, đều có viết giấy và toàn bộ tài liệu này bà H đang lưu giữ tại nhà mà chưa cung cấp cho tòa sơ thẩm xem xét, tại phiên tòa phúc thẩm bà H mới khai nội dung này. Đây là nội dung mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nên không thể xem xét được.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của đương sự, đảm bảo việc thu thập, đánh giá chứng cứ khách quan toàn diện, để giải quyết vụ án đúng pháp luật, cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Từ phân tích trên, HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí: Đơn kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Y L đối với bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy,

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Trả lại cho bà Y L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0000547 ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (**14/5/2018**).

Nơi nhận:

- TAND huyện Kon Rẫy;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thành Lê